

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25-8-2020

V/v tranh chấp ly hôn, chia tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đính.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Thống.

Ông Nguyễn Đồng Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Trong các ngày 06 tháng 8 năm 2020 và ngày 25 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, chia tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020 và quyết định tạm ngừng phiên tòa số 62/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trương Hoàng Y, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã Ng, huyện Ph, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Chị Tạ Thị Diễm Thu, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 5 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trương Hoàng Y trình bày yêu cầu:

Anh Y và chị Tạ Thị Diễm Th thành hôn năm 2019, hôn nhân do mai mối, có tổ chức chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Lý do xin ly hôn: Do không có tiếng nói chung, tình cảm không có nên xảy ra bất hòa và mâu thuẫn tiền bạc dẫn đến mất hạnh phúc, sống ly thân từ tháng 02 năm 2020 đến nay. Khi sống ly thân địa phương có hòa giải nhưng không thành. Hôn nhân duy trì không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn.

Con chung chưa có.

Nợ thu và trả không có.

Tài sản chung cha mẹ cho ngày cưới gồm chiếc lắc 05 chỉ, sợi dây chuyền 05 chỉ, chiếc nhẫn cho khi đám làm quen 01 chỉ và đôi bông tai 01 chỉ, toàn bộ là vàng 24k. Hiện nay chị Th quản lý số nữ trang, yêu cầu chia hai chiếc lắc và sợi dây chuyền, yêu cầu chị Th giao $\frac{1}{2}$ là 05 chỉ vàng 24k.

Bị đơn chị Tạ Thị Diễm Th trình bày ý kiến:

Tháng 4 năm 2019 âm lịch chị Th và anh Y thành hôn do mai mối, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Trong thời gian sống chung xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu về tiền bạc dẫn đến mất hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân, trong thời gian sống ly thân cũng không giải quyết được mâu thuẫn. Nay anh Y xin ly hôn chị Th đồng ý, vì hết tình cảm với nhau.

Con chung chưa có.

Nợ thu và trả không có.

Về tài sản: Đám làm quen có cho 01 chỉ vàng 24k; đám hỏi có cho đôi bông tai vàng 18k trọng lượng khoảng 01 chỉ (phần này còn giữ), 01 tấm lắc 05 chỉ, 01 sợi dây chuyền 05 chỉ đều là vàng 24k.

Khi đám hỏi chủ hôn bên nhà trai có trình lễ là mẹ chồng cho con dâu 01 cây vàng 24k gồm 01 tấm lắc 05 chỉ, 01 sợi dây chuyền 05 chỉ và thêm 01 đôi bông tai vàng 18k; 10 bộ đồ, cái va li. Khi công bố có mặt bà con hai họ, không có nói là cho vợ chồng mà chỉ nói mẹ chồng cho con dâu.

Anh Y yêu cầu chia hai 10 chỉ vàng 24k là chiếc lắc tay và sợi dây chuyền, chị Th không đồng ý. Vì cho rằng đã bán hết 11 chỉ vàng 24k để chi phí sinh hoạt cho gia đình, như mua máy Honda 4.000.000 đồng (hiện nay anh Y quản lý, sử dụng), chi phí tiền xe và ăn uống trị bệnh cho anh Y tại Bệnh viện Chợ Rẫy 03 lần là 3.000.000 đồng; tiền mua điện thoại cho anh Y 3.000.000 đồng, tiền mua phụ tùng sửa xe cho khách 3.000.000 đồng, đóng 02 chân hụi 6.200.000 đồng, trả tôm tích 2.000.000 đồng, tiền trả của giống 10.000.000 đồng; trước khi bán vàng có báo với anh Y biết, hiện nay không còn nên không chia.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn bảo lưu yêu cầu khởi kiện ly hôn, yêu cầu chị Th chia hai chiếc lắc và sợi dây chuyền vàng 10 chỉ vàng 24k, mỗi người được chia 05 chỉ.

Bị đơn đồng ý ly hôn, vì hôn nhân duy trì không có hạnh phúc; Vàng cưới là tài sản riêng chị được cho khi đám hỏi, không đồng ý chia vàng theo yêu cầu của anh Y vì đã bán sử dụng cho gia đình trong thời gian sống chung không còn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Do mai mối anh Trương Hoàng Y và chị Tạ Thị Diễm Th thành hôn vào tháng 4 năm 2019, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 25/2019 ngày 24/5/2019 thể hiện anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện N, vì vậy quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Theo trình bày của anh Y và chị Th là anh chị thành hôn do mai mối nên không có tình cảm, không có tiếng nói chung, thường xảy ra bất hòa, nguyên nhân chủ yếu là mâu thuẫn tiền bạc dẫn đến mất hạnh phúc, sống ly thân từ tháng 02 năm 2020 đến nay, hôn nhân không có tình cảm nếu duy trì cũng không có hạnh phúc nên anh Y xin ly hôn; chị Th đồng ý ly hôn.

Thấy rằng, mâu thuẫn xảy ra thời gian dài nhưng anh Y và chị Th cũng không có biện pháp hàn gắn, kéo dài làm cho mâu thuẫn anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng dẫn đến mất hạnh phúc; tại phiên tòa, anh Y và chị Th thuận tình ly hôn. Xét thấy, việc thuận tình ly hôn của anh chị là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh Y và chị Th.

[2] Về con chung: Chưa có.

[3] Về chia tài sản chung và công nợ:

- Về chia tài sản chung:

Anh Y yêu cầu chia hai nữ trang cha mẹ anh cho ngày cưới gồm sợi dây chuyền và chiếc lắc, trọng lượng 10 chỉ vàng 24k, yêu cầu chị Th giao $\frac{1}{2} = 05$ chỉ vàng 24k. Chị Th không đồng ý, vì cho rằng số vàng này chị được mẹ chồng cho riêng ngày cưới, nhưng chị xác định đã bán chi xài trong gia đình không còn.

Thấy rằng, theo tập quán người dân khi cưới dâu hay cho vàng, ngoài việc cho bông tai là trang sức nữ giới thì còn cho thêm một số vàng để sau khi cưới cô

dâu chú rể có vốn để làm ăn, việc chị Th cho rằng chị được cho riêng là không có cơ sở. Bởi lẽ: Nữ trang cho vào ngày đám hỏi, thời điểm này anh chị chưa đăng ký kết hôn, việc tặng cho vàng là để chị Th về làm vợ anh Y. Mặt khác, tại biên bản hòa giải của ấp T ngày 27/4/2020, chị Th xác nhận 11 chỉ vàng 24k cho ngày cưới là tài sản chung của vợ chồng (bút lục số 09, 10). Do đó có cơ sở khẳng định tài sản là nữ trang cho ngày cưới gồm chiếc lắc và dây chuyền là tài sản chung của anh Y và chị Th.

Xét yêu cầu chia vàng của anh Y: Tại đơn khởi kiện anh Y yêu cầu chia hai số vàng là 5,5 chỉ vàng 24k gồm chiếc lắc tay 05 chỉ, sợi dây chuyền 05 chỉ và đôi bông 01 chỉ đều là vàng 24k. Tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa, anh Y yêu cầu chia 05 chỉ vàng 24k, không yêu cầu chia đôi bông tai. Chị Th xác định vàng cho ngày đám hỏi là 10 chỉ vàng 24k gồm lắc tay và dây chuyền; đôi bông tai là vàng 18k nhưng không biết trọng lượng. Tuy nhiên, anh Y không đặt ra yêu cầu chia đối với đôi bông tai, nên việc đôi bông là vàng gì có trọng lượng bao nhiêu không cần thiết phải xác minh làm rõ.

Anh Y yêu cầu được chia chiếc lắc tay và sợi dây chuyền vàng, chia $\frac{1}{2}$ là 05 chỉ vàng 24k. Chị Th không đồng ý, vì cho rằng đã bán chỉ xài cho gia đình không còn. Cụ thể: Mua máy Honda 4.000.000 đồng; trị bệnh cho anh Y tại Bệnh viện Chợ Rẫy 03 lần là 3.000.000 đồng; tiền mua điện thoại cho anh Y 3.000.000 đồng; tiền mua phụ tùng sửa xe cho khách 3.000.000 đồng; đóng 02 chân hụi 6.200.000 đồng; thả tôm tích 2.000.000 đồng, tiền thả cua giống 10.000.000 đồng.

Anh Y xác nhận có mua máy Honda (hiện nay anh Y đang sử dụng) nhưng máy này do mẹ vợ mua tặng cho vợ chồng. Tòa án có làm việc với bà Mai Thị N là mẹ chị Th, bà N xác định máy Honda do chị Th và anh Y bán vàng mua sắm, bà chỉ đi theo chở về giùm nên lời trình của anh Y không có cơ sở chấp nhận (bút lục số 49).

Anh Y xác định có trị bệnh, có mua điện thoại, có thả tôm cua giống nhưng đây là khoản tiền vợ chồng tích lũy, vì thu nhập mỗi tháng của hai vợ chồng khoảng 05-06 triệu đồng. Nhưng anh Y không chứng minh được anh chị có khoảng thu nhập trên, vì chị Th là Chi Hội trưởng hội phụ nữ ấp nên tiền lương không có, chỉ hỗ trợ phí sinh hoạt mỗi tháng khoảng tám trăm ngàn đồng chưa trừ chi phí xăng dầu để đi lại làm việc; tại biên bản hòa giải ở ấp anh Y cũng đồng ý là tiền trị bệnh là bán vàng (bút lục số 09, 10).

Tiền vô hụi, anh Y thừa nhận có tham gia hụi 500.000 đồng và hụi 1.000.000 đồng, tiền đóng hụi là do tích lũy, nhưng anh chị đã sang lại chân hụi được bốn triệu rưỡi để trị bệnh, phần này không còn.

Như vậy, việc chị Th bán nữ trang để chi xài mua sắm cho gia đình và trị bệnh cho anh Y là thực tế có xảy ra; số tiền bán vàng phần lớn là anh Y sử dụng nên việc anh Y yêu cầu chia hai là không được chấp nhận.

Từ lý do trên, không chấp nhận yêu cầu của anh Y về việc chia tài sản chung là 05 chỉ vàng 24k.

Anh Y cho rằng phía chị Th có tham gia 02 chân hụi, nhưng anh không có chứng cứ nên không khởi kiện, do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Đối với phần tài sản hiện nay anh Y quản lý, chị Th không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ phải thu và trả: Hai đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng anh Y phải chịu, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp; án phí chia tài sản có giá ngạch 5% anh Y phải chịu đối với phần yêu cầu không được chấp nhận, 05 chỉ vàng 24k tính theo giá mua vào 5.275.000 đồng/chỉ x 05 chỉ = 26.375.000 đồng x 5% = 1.318.750 đồng; án phí anh Y phải chịu là 1.318.750 đồng, được trừ phần tạm ứng án phí đã nộp 623.000 đồng, còn phải nộp tiếp 695.750 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 và 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 và Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trương Hoàng Y và chị Tạ Thị Diễm Th.

- Về chia tài sản chung: Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung là 05 chỉ vàng 24k của anh Trương Hoàng Y.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng nguyên đơn phải chịu; án phí chia tài sản có giá ngạch 5% nguyên đơn phải chịu đối với toàn bộ phần yêu cầu không được chấp nhận là 1.318.750 đồng. Tổng cộng anh Y phải chịu hai khoản án phí là 1.618.750 đồng, có nộp tạm ứng án phí 923.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0007170 ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, anh Y phải nộp tiếp là 695.750 đồng.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THA DS huyện Năm Căn;
- UBND xã Đ, huyện N;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Ngọc Đính